

## Chương 18: Sở hữu trí tuệ

### 1. TPP quy định những gì về sở hữu trí tuệ (SHTT)?

Chương SHTT là một trong những Chương gây nhiều tranh cãi và cũng khó khăn nhất trong đàm phán TPP. Các cam kết trong Chương này có thể được xếp vào 04 nhóm chủ yếu, bao gồm:

- *Nhóm cam kết chung:* Nhóm này bao gồm các cam kết về việc gia nhập các Công ước về SHTT được liệt kê (Việt Nam được hưởng lộ trình 2-3 năm tùy Công ước); về các nguyên tắc chung như đối xử quốc gia, minh bạch; và về các vấn đề khác như hợp tác giữa các nước TPP trong bảo vệ quyền SHTT.
- *Nhóm các cam kết về các tiêu chuẩn bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ:* TPP bao gồm các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ đối với phần lớn các loại tài sản SHTT như nhãn hiệu thương mại, sáng chế, quyền tác giả, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý. Các tiêu chuẩn của TPP dựa trên và trong nhiều trường hợp là cao hơn so với các tiêu chuẩn tương ứng của Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền SHTT của WTO (TRIPS).
- *Nhóm các cam kết về một số sản phẩm SHTT đặc thù:* Bên cạnh các tiêu chuẩn chung đối với các nhóm tài sản SHTT, TPP còn bao gồm các cam kết riêng về một số loại sản phẩm SHTT đặc thù như dược phẩm, nông hóa phẩm, giống cây trồng, các vấn đề SHTT thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (tín hiệu vệ tinh, các công cụ bảo mật, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng...)
- *Nhóm các cam kết liên quan tới việc thực thi các quyền SHTT:* Nhóm này bao gồm các cam kết tăng cường mức độ hiệu quả thực thi và bảo hộ các quyền SHTT và xử lý nghiêm khắc hơn các vi phạm quyền SHTT.

### **Lưu ý với doanh nghiệp**

So với Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) của WTO thì TPP có phạm vi điều chỉnh rộng hơn, chi tiết hơn, với mức bảo hộ cao hơn ở nhiều vấn đề. Do đó, việc thực hiện các cam kết về SHTT trong TPP có thể sẽ làm thay đổi đáng kể hệ thống pháp luật nội địa về SHTT của Việt Nam trong phần lớn các chế định liên quan (cả về các đối tượng quyền SHTT đến thực thi các quyền SHTT).

Cũng vì phạm vi rộng như vậy, các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng hoặc tác động từ các cam kết TPP về SHTT sẽ không chỉ bao gồm các doanh nghiệp sở hữu các quyền SHTT mà còn là tất cả các doanh nghiệp đang hoặc sẽ sử dụng các sản phẩm SHTT (công nghệ, máy móc thiết bị, chương trình máy tính ....) trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

## **2. Các tiêu chuẩn của TPP về bảo hộ nhãn hiệu thương mại (trade mark)?**

Các cam kết trong TPP về nhãn hiệu thương mại (tương đương với nhãn hiệu, tên thương mại theo pháp luật Việt Nam) tập trung vào các khía cạnh sau đây:

- *Đối tượng được bảo hộ*: Ngoài các đối tượng truyền thống mà pháp luật Việt Nam đang bảo hộ (như chữ, ký hiệu, từ ngữ, hình ảnh), TPP còn mở rộng ra cả *âm thanh*, và khuyến khích các nước bảo hộ cả *mùi*; đối với tất cả các đối tượng được bảo hộ, không bắt buộc phải “nhìn thấy được”. Về việc phải bảo hộ nhãn hiệu thương mại dưới hình thức âm thanh, Việt Nam chỉ phải thực hiện nghĩa vụ này sau 3 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực.

Đối với trường hợp *nhãn hiệu nổi tiếng*, TPP yêu cầu các nước không được lấy tiêu chí số lượng các quốc gia đã bảo hộ nhãn hiệu, đã công nhận nhãn hiệu nổi tiếng hoặc đã nằm trong danh mục nhãn hiệu nổi tiếng để quyết định bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng. Pháp luật Việt Nam hiện vẫn còn một số tiêu chí dạng này, và vì vậy sẽ phải điều chỉnh cho phù hợp.

- *Thời gian bảo hộ*: TPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo hộ nhãn hiệu thương mại tối thiểu là 10 năm, và có thể được gia hạn nhiều lần, tương tự như pháp luật Việt Nam hiện hành;
- *Quyền của chủ sở hữu*: Chủ thể này có đặc quyền ngăn cản các chủ thể khác sử dụng các dấu hiệu (bao gồm cả chỉ dẫn địa lý có sau) giống hệt hoặc tương tự cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc gần với loại hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký nhãn hiệu của mình nếu việc sử dụng này có thể gây ra nhầm lẫn (dấu hiệu trùng được suy đoán đương nhiên là “có thể gây nhầm lẫn”). Tuy nhiên, TPP vẫn cho phép việc sử dụng các

thuật ngữ mô tả có trong nhãn hiệu nếu việc sử dụng đó là ngay tình, và có tính đến lợi ích của chủ nhãn hiệu và các bên thứ ba;

- *Cải cách thủ tục hành chính*: TPP yêu cầu các nước Thành viên phải áp dụng các biện pháp cụ thể để đảm bảo thủ tục hành chính ngắn gọn, minh bạch trong đăng ký, gia hạn nhãn hiệu thương mại, đảm bảo cơ hội phản hồi của người nộp đơn cũng như cơ hội phản đối của các bên thứ ba, đồng thời khuyến khích các nước sử dụng hệ thống đăng ký nhãn hiệu thương mại điện tử để minh bạch hóa các quy trình này;
- *Đối với Tên miền cao cấp mã quốc gia (ccTLD)*, TPP yêu cầu các nước thành viên phải thực hiện các biện pháp nhất định như quy định cơ chế giải quyết tranh chấp (theo nguyên tắc của ICANN hoặc tương tự); phải có biện pháp xử lý các chủ thể đăng ký hoặc nắm giữ tên miền tương tự hoặc gần giống đến mức gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu nhằm mục đích thu lợi.

### **Lưu ý với doanh nghiệp**

So với pháp luật hiện hành, TPP bảo hộ nhãn hiệu thương mại rộng hơn (về đối tượng), điều kiện bảo hộ thương hiệu nổi tiếng đơn giản hơn và cũng đưa ra nhiều hơn các cơ chế để bảo hộ thương hiệu.

Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp có thể được bảo vệ tốt hơn các nhãn hiệu của mình. Ngược lại, các doanh nghiệp khác cũng cần lưu ý cẩn trọng hơn với các vấn đề về thương hiệu không phải của mình, tránh bị thiệt hại bởi các biện pháp trừng phạt dự kiến sẽ nghiêm khắc hơn sau TPP.

### **3. TPP có yêu cầu gì về bảo hộ chỉ dẫn địa lý?**

TPP cho các nước được quyền lựa chọn cơ chế bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý, hoặc là theo cơ chế riêng chỉ áp dụng cho chỉ dẫn địa lý, hoặc là theo cơ chế chung với nhãn hiệu thương mại.

Điều này có nghĩa là các nước như Việt Nam sẽ vẫn được tiếp tục sử dụng hệ thống bảo hộ chỉ dẫn địa lý của mình trong khi các nước như Hoa Kỳ sẽ vẫn duy trì bảo hộ chỉ dẫn địa lý như một dạng của nhãn hiệu thương mại. Đây được xem là giải pháp hợp lý với Việt Nam bởi Việt Nam đang và sẽ đồng thời có cam kết về chỉ dẫn địa lý với các đối tác sử dụng các cơ chế khác nhau (ví dụ EU bảo hộ chỉ dẫn địa lý riêng, không theo cơ chế nhãn hiệu thương mại).

### **4. TPP quy định như thế nào để phân định các quyền bảo hộ theo chỉ dẫn địa lý và quyền theo nhãn hiệu?**

Do TPP chấp thuận việc bảo hộ các chỉ dẫn địa lý cả theo hình thức dành riêng cho chỉ dẫn địa lý và theo hình thức chung với nhãn hiệu, TPP có một số quy định để xác định mối quan hệ giữa chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu trong trường hợp có chồng lấn.

Đây thực tế cũng là vấn đề gây tranh cãi trong quá trình đàm phán TPP, bởi *chỉ dẫn địa lý* có thể được xem là thuộc sở hữu đặc biệt (không hạn chế chủ thể sử dụng, miễn là có sản phẩm đáp ứng yêu cầu liên quan của chỉ dẫn địa lý) trong khi nhãn hiệu lại thuộc *sở hữu riêng của một chủ thể* (và chủ thể này có độc quyền ngăn cản bất kỳ chủ thể nào khác sử dụng nhãn hiệu của mình). Đàm phán diễn ra chủ yếu quanh việc bảo vệ chủ nhân hiệu hay người sử dụng chỉ dẫn địa lý trong trường hợp có chồng lấn (chỉ dẫn địa lý tương tự nhãn hiệu).

Về vấn đề này, TPP đã đi đến cam kết như sau: Trong trường hợp có nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một chỉ dẫn địa lý mà nhãn hiệu lại được bảo hộ trước (đã đăng ký trước hoặc đã trở nên nổi tiếng trước), mặc dù chỉ dẫn địa lý vẫn được bảo hộ nhưng quyền của chủ nhân hiệu sẽ được ưu tiên hơn, theo hướng:

- Chủ sở hữu nhãn hiệu có quyền ngăn cấm việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó nếu việc sử dụng này có khả năng gây ra nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa; Tuy nhiên, chỉ dẫn địa lý chỉ có ý nghĩa mô tả xuất xứ của hàng hóa thì được xem là ngoại lệ, vẫn được phép sử dụng song song cùng nhãn hiệu đó;
- Không bảo hộ chỉ dẫn địa lý nếu có khả năng gây nhầm lẫn với nhãn hiệu về nguồn gốc thương mại của hàng hóa (trừ khi việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó thuộc trường hợp ngoại lệ đối với quyền của nhãn hiệu).

### **Lưu ý đối với doanh nghiệp**

Do số lượng các chỉ dẫn địa lý Việt Nam đã đăng ký bảo hộ còn quá ít so với các nhãn hiệu đã đăng ký nên khả năng xảy ra tình trạng một chỉ dẫn địa lý dù đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được bảo hộ nhưng lại trùng lặp hoặc tương tự với một nhãn hiệu đã đăng ký trước có thể là rất lớn.

Vì vậy, trong trường hợp có sản phẩm chỉ dẫn địa lý tương tự với một nhãn hiệu đã được đăng ký trước đó hoặc ngược lại, doanh nghiệp vẫn có các quyền được bảo hộ nhất định nhưng bị hạn chế và theo các điều kiện quy định. Do đó, doanh nghiệp cần chú ý các quy định về vấn đề này của TPP để bảo vệ tốt nhất lợi ích liên quan của mình.

## **5. TPP có quy định gì mới về các tiêu chí, đối tượng bảo hộ sáng chế?**

Các cam kết về tiêu chí và đối tượng bảo hộ sáng chế trong TPP có các điểm mới đáng chú ý sau:

- **Tiêu chí bảo hộ:**

TPP nhắc lại các tiêu chí của Hiệp định TRIPS trong WTO, theo đó tất cả các sáng tạo, dù là sản phẩm hay quy trình, trong tất cả các lĩnh vực, nếu mới, có tính sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp thì đều có thể được bảo hộ.

Tuy nhiên, TPP buộc các nước phải bảo hộ cho sáng tạo đã công bố công khai (tức là không còn tính mới) nếu việc công bố đó là do chính chủ thể nộp đơn xin bảo hộ thực hiện hoặc nếu là do người khác thì người đó đã lấy thông tin công bố từ chính chủ thể nộp đơn, và nếu việc công bố đó thực hiện trong vòng 12 tháng liền trước thời điểm nộp đơn đăng ký (gọi là “Giai đoạn ân hận” cho tính “mới” của sáng chế).

- *Về phạm vi các đối tượng có thể được bảo hộ:*

Trong khi nhắc lại các trường hợp loại trừ không được phép bảo hộ theo Hiệp định TRIPS trong WTO (các phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán, chữa bệnh cho người và động vật; động vật không phải vi sinh vật, quy trình sản xuất động thực vật trừ quy trình sinh học hoặc vi sinh), TPP bổ sung thêm yêu cầu bắt buộc phải bảo hộ đối với một trong ba đối tượng: chức năng sử dụng mới, phương pháp sử dụng mới, hoặc quy trình sử dụng mới của một sản phẩm đã được biết đến.

TPP khẳng định lại ngoại lệ của WTO về vấn đề này, theo đó một nước Thành viên có thể loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ các đối tượng nhất định nếu việc ngăn chặn khai thác thương mại trên lãnh thổ nước mình các đối tượng này là cần thiết để bảo vệ trật tự công cộng hoặc đạo đức, bao gồm cả việc bảo vệ sức khỏe, tính mạng động thực vật hoặc để tránh những thiệt hại đáng kể đối với thiên nhiên, môi trường. Do đó, trong các trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, Việt Nam vẫn có thể sử dụng ngoại lệ này để từ chối bảo hộ một hoặc một số đối tượng nhất định (trong đó được hiểu là có thể có các hình thức sử dụng mới của các dược phẩm).

## **Lưu ý với doanh nghiệp**

Liên quan tới sáng chế, yêu cầu được cho là khó khăn nhất của TPP là không chỉ bảo hộ độc quyền sáng chế đối với các “sản phẩm mới” mà bảo hộ “chức năng sử dụng mới”, “phương pháp sử dụng mới”, hoặc “quy trình sử dụng mới” của một sản phẩm đã được biết đến.

Đây vốn là vấn đề gây lo ngại trong quá trình đàm phán TPP, chủ yếu xuất phát từ những nguy cơ gắn với bảo hộ sáng chế trong lĩnh vực dược phẩm. Cụ thể, nhiều chuyên gia cho rằng việc bảo hộ các hình thức sử dụng mới đối với các dược phẩm sắp hết thời gian bảo hộ độc quyền sẽ dẫn tới tình trạng cứ sắp hết thời hạn bảo hộ một loại thuốc thì chủ sở hữu sáng chế lại tiếp tục đăng ký bảo hộ cho một hình thức sử dụng mới (ví dụ từ thuốc uống sang thuốc xịt...) hoặc dạng mới (ví dụ từ dạng viên nén sang dạng bột, lỏng...) của chính loại thuốc đó, từ đó kéo dài thêm nhiều lần thời hạn bảo hộ (gọi là hiện tượng “evergreen”). Thuốc càng được bảo hộ bản quyền lâu thì càng giữ giá cao (do trong thời gian bảo hộ, ai muốn sản xuất thuốc đó đều phải trả phí bản quyền, giá thuốc công theo phí này sẽ cao; khi hết thời hạn bảo hộ thì thuốc thành “generic”, có thể được sản xuất mà không phải trả phí bản quyền). Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng hiện tượng evergreen này không dễ xảy ra, do mặc dù mở rộng về đối tượng được bảo hộ nhưng bản thân các đối tượng này vẫn phải đáp ứng các tiêu chí bảo hộ như tính mới, tính sáng tạo, khả năng áp dụng công nghiệp.

Dù vậy, với việc mở rộng đối tượng bảo hộ ra cho cả các sản phẩm đã có, TPP chắc chắn mang lại nhiều lợi ích hơn cho các doanh nghiệp có sáng chế trong khi có thể ảnh hưởng bất lợi với các doanh nghiệp không hoặc có ít hoạt động nghiên cứu, sáng chế mà chỉ chủ yếu sản xuất thuốc hết bảo hộ (thuốc generic).

Cũng với quy định này, giá thuốc (đặc biệt là các biệt dược, vốn là đối tượng của các sáng chế độc quyền) ở Việt Nam và các nước TPP có thể sẽ cần thời gian lâu hơn để có thể giảm xuống (khi được sản xuất đại trà). Vì vậy, các bệnh nhân, bệnh viện và các chương trình hỗ trợ về dược phẩm sẽ phải chú ý điều chỉnh và sẵn sàng cho tình hình này.

## 6. Các ngoại lệ đối với quyền của chủ sáng chế được TPP thừa nhận?

Mặc dù TPP mở rộng đối tượng được bảo hộ sáng chế cũng như giảm bớt các điều kiện bảo hộ, qua đó giúp gia tăng mức bảo hộ cho các chủ thể quyền (chủ sở hữu sáng chế), TPP vẫn tiếp tục khẳng định các ngoại lệ (cho phép hạn chế quyền của chủ sở hữu sáng chế) theo Hiệp định TRIPS của WTO, bao gồm:

- **Hạn chế vì lợi ích công cộng:**

Các nước được hạn chế quyền độc quyền của chủ sở hữu trong một số trường hợp nhất định nếu hạn chế đó không mâu thuẫn một cách bất hợp lý với quá trình khai thác bình thường của sáng chế và không gây thiệt hại bất hợp lý cho lợi ích của chủ sở hữu, có tính đến lợi ích hợp pháp của các bên thứ ba;

- **Quyền sử dụng không cần xin phép chủ sở hữu:**

Các nước có thể cho phép các chủ thể khác sử dụng sáng chế mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu theo các điều kiện nhất định (ví dụ Nhà nước chỉ cho phép việc sử dụng này theo từng trường hợp; và nếu người xin phép trước đó đã cố gắng đàm phán với chủ sở hữu theo giá thị trường nhưng không thành công; nếu phạm vi và thời gian sử dụng không vượt quá mục tiêu được cho phép; nếu không chuyển tiếp quyền cho chủ thể khác; và chủ sở hữu phải được hưởng đền bù tính theo giá trị kinh tế...).

### **Lưu ý với doanh nghiệp**

Đối với các chủ sở hữu sáng chế, quy định về các ngoại lệ này chắc chắn sẽ làm giảm các quyền cũng như lợi ích liên quan của chủ sở hữu. Tuy nhiên, đây không phải là quy định mới của TPP, chỉ nhắc lại các quy định đã có của TRIPS. Vì vậy cơ bản không làm thay đổi quyền lợi của chủ sở hữu sáng chế.

Đối với các chủ thể sử dụng sáng chế (ví dụ doanh nghiệp sử dụng sáng chế, người bệnh sử dụng thuốc...), do các tiêu chuẩn bảo hộ quyền cho chủ sở hữu sáng chế đã được tăng lên đáng kể trong TPP, các chủ thể này càng cần đặc biệt chú ý đến việc tìm hiểu, vận dụng các trường hợp ngoại lệ mà WTO và TPP cho phép để sử dụng sáng chế trong trường hợp cần thiết.

Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp sử dụng sáng chế cho các mục đích riêng, trong khi ngoại lệ về lợi ích công cộng khó sử dụng, cần chú ý ngoại lệ liên quan tới quyền sử dụng sáng chế mà không cần xin phép chủ sở hữu.

## 7. Các yêu cầu của TPP về thủ tục đăng ký sáng chế?

Không chỉ mở rộng đối tượng bảo hộ, liên quan tới việc bảo hộ sáng chế, TPP còn đặt ra một số yêu cầu cụ thể đối với quy trình cấp bảo hộ mà các nước buộc phải tuân thủ, ví dụ:

- Trường hợp có nhiều chủ thể độc lập tạo ra cùng một sáng chế thì tiêu chí áp dụng là “ai tới trước được cấp trước”;
- Phải công bố công khai các đơn đăng ký bảo hộ trong vòng 18 tháng kể từ ngày nộp đơn, bao gồm cả việc công bố chi tiết các kết quả nghiên cứu – thử nghiệm; các thông tin khác không mật mà chủ thể đăng ký đã nộp; các trích dẫn chi tiết về tuyên bố của người nộp đơn và các bên thứ ba về các nội dung bảo hộ, không bảo hộ...
- Trường hợp có chậm trễ bất hợp lý (ví dụ quá 5 năm kể từ ngày nộp đơn, quá 3 năm kể từ ngày yêu cầu xem xét đơn...) trong quá trình xem xét cấp bằng bảo hộ sáng chế thì phải có biện pháp để điều chỉnh thời gian bảo hộ bằng sáng chế nhằm bù đắp cho thời gian chậm trễ, nếu chủ thể nộp đơn có yêu cầu. Riêng với nghĩa vụ này, Việt Nam có bảo lưu, chỉ phải tuân thủ cam kết này sau 3 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực; với đăng ký bảo hộ nông hóa phẩm thì lộ trình này là 5 năm;
- Các căn cứ để hủy, rút lại hoặc vô hiệu một bằng sáng chế đã cấp phải đồng thời là các căn cứ để từ chối cấp bằng sáng chế.

### **Lưu ý với các doanh nghiệp**

Phần lớn các yêu cầu về thủ tục đăng ký sáng chế trong TPP được thiết kế theo hướng tạo thuận lợi hơn cũng như đảm bảo tốt hơn quyền lợi cho người đăng ký bằng sáng chế.

Như vậy, các chủ thể sở hữu sáng chế sẽ được lợi hơn từ các yêu cầu này của TPP. Tuy nhiên, nhóm có lợi ích đối lập cũng được lợi hơn từ các yêu cầu mang tính minh bạch trong thủ tục này, bởi điều này tạo cơ hội để biết và thực hiện thủ tục phản đối việc đăng ký, nếu thấy sáng chế đang đề nghị bảo hộ không đáp ứng các điều kiện pháp luật quy định để được bảo hộ.

## 8. TPP có bảo hộ đặc thù gì đối với Nông hóa phẩm?

Bên cạnh hệ thống các tiêu chuẩn cho các loại đối tượng tài sản SHTT, TPP có quy định về tiêu chuẩn và cách thức bảo hộ một số khía cạnh của quyền SHTT với một số loại sản phẩm SHTT nhất định mà các nước TPP đều quan tâm. Nông hóa phẩm (tức là sản phẩm hóa chất trong nông nghiệp, ví dụ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) là một trong số đó.

Cụ thể, TPP có cam kết riêng về thời hạn bảo hộ đối với Kết quả thử nghiệm và các dữ liệu khác về tính an toàn/hiệu quả của nông hóa phẩm chưa công khai – còn gọi là “Độc quyền dữ liệu”.

Cụ thể, trong TPP các nước cam kết đảm bảo:

- Nếu chủ thể nộp đơn xin Giấy phép lưu hành cho một nông hóa phẩm mới phải cung cấp các *kết quả thử nghiệm hoặc dữ liệu khác chưa công bố về mức độ an toàn và hiệu quả của sản phẩm* đó cho Cơ quan cấp phép thì Cơ quan này sẽ không được dựa trên các thông tin hoặc Giấy phép lưu hành này để cho phép chủ thể khác lưu hành cùng sản phẩm hoặc sản phẩm tương tự trong ít nhất là 10 năm trừ khi được chủ thể này đồng ý (nghĩa vụ non-reliance);
- Quy định tương tự đối với trường hợp cho phép lưu hành dựa trên việc nộp *bằng chứng về việc đã được cấp phép lưu hành trên thị trường nước ngoài*, thời hạn bảo hộ là 10 năm kể từ ngày cấp phép lưu hành mới.

### Lưu ý đối với doanh nghiệp

Các quy định về độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm đăng ký lưu hành về cơ bản sẽ tạo ra lợi thế lớn cho các chủ thể lần đầu đưa ra dữ liệu thử nghiệm khi đăng ký lưu hành nông hóa phẩm. Bởi sau khi người này đã được cấp phép lưu hành thành công nông hóa phẩm đó, trong thời hạn bảo hộ (10 năm), tất cả các chủ thể sau đó muốn đăng ký lưu hành cùng loại nông hóa phẩm đó sẽ không được sử dụng cùng một dữ liệu thử nghiệm đó nữa (dù có thể dữ liệu thử nghiệm đó thực chất là dữ liệu công khai, đáng tin cậy, và việc thử nghiệm lại cũng chỉ cho kết quả tương tự). Nói cách khác, trong thời gian bảo hộ độc quyền dữ liệu thử nghiệm liên quan, các chủ thể khác muốn đăng ký lưu hành sẽ phải tốn chi phí cho việc xây dựng dữ liệu thử nghiệm riêng của mình để đưa vào hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm.

Như vậy, giá của nông hóa phẩm bán trên thị trường sẽ cao hơn so với khi chưa có quy định về độc quyền dữ liệu thử nghiệm này. Người nông dân và các doanh nghiệp sử dụng nông hóa phẩm sẽ phải chịu các chi phí tăng thêm trên giá nông hóa phẩm vì lý do này.

## 9. TPP có bảo hộ đặc thù gì đối với Dược phẩm?

Dược phẩm là sản phẩm SHTT được quan tâm nhất và cũng gây tranh cãi nhất trong đàm phán về SHTT trong TPP. Kết quả đàm phán TPP về vấn đề này được cho là sự thỏa hiệp

giữa (i) yêu cầu nâng mức bảo hộ và quyền của chủ sở hữu sáng chế dược phẩm của một số nước Thành viên TPP mạnh về chế tạo, sản xuất, xuất khẩu dược phẩm và (ii) mong muốn bảo vệ tốt hơn sức khỏe cộng đồng qua việc duy trì khả năng tiếp cận của công chúng với dược phẩm có giá hợp lý của các nước TPP còn lại, đặc biệt là với những nước có trình độ phát triển hạn chế như Việt Nam.

TPP đã đi đến cam kết cuối cùng về vấn đề này như sau:

- *Về thời hạn bảo hộ*: TPP yêu cầu các nước phải điều chỉnh thời hạn bảo hộ đối với dược phẩm phải xin Giấy phép lưu hành để bù đắp khoảng thời gian bị rút ngắn trong thời hạn bảo hộ thực tế sáng chế do những chậm trễ bất hợp lý trong cấp phép lưu hành (gọi là “bù đắp thời gian chậm trễ”). Việt Nam bảo lưu chỉ thực hiện nghĩa vụ này sau 5 năm (và có thể yêu cầu gia hạn thêm 01 năm) kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;
- *Về độc quyền dữ liệu* (xem thêm ý nghĩa tại Câu 60 về quyền SHTT đối với nông hóa phẩm): TPP yêu cầu các nước phải bảo hộ độc quyền dữ liệu thử nghiệm và dữ liệu khác về tính an toàn và hiệu quả của dược phẩm mà người xin đăng ký lưu hành phải nộp khi làm thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm, (bao gồm cả hóa phẩm và sinh phẩm y tế) trong thời hạn là 3 năm, 5 năm hoặc 8 năm cho các loại thông tin dữ liệu và dược phẩm khác nhau (trong đó đối với sinh phẩm thời hạn này là 8 năm, hoặc 5 năm nếu kèm theo một số biện pháp cụ thể đảm bảo hiệu quả bảo hộ tương đương).

Chú ý là các *thời hạn bảo hộ độc quyền dữ liệu* (khi xin phép lưu hành dược phẩm) này độc lập với *thời hạn bảo hộ độc quyền sáng chế*. Điều này có nghĩa là ngay cả khi sản phẩm liên quan hết hạn bảo hộ độc quyền sáng chế tại Việt Nam nhưng vẫn còn thời hạn bảo hộ độc quyền dữ liệu thì các chủ thể khác vẫn không được phép sử dụng các thông tin được bảo hộ để đăng ký lưu hành sản phẩm tương tự hoặc giống hệt.

Việt Nam bảo lưu chỉ thực hiện nghĩa vụ bảo hộ độc quyền dữ liệu (non-reliance) dược phẩm này (bao gồm cả dược phẩm sinh học) sau 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, có thể yêu cầu gia hạn thêm 2 năm, và quyền không bị kiện về vấn đề này trong vòng 3 năm sau đó. Riêng với Hoa Kỳ, Việt Nam cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ bảo mật (non-disclosure) dữ liệu đối với dược phẩm mới có chứa thành tố sinh học ngay khi Hiệp định có hiệu lực với thời hạn bảo hộ ít nhất là 05 năm như đã cam kết trong Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ năm 2000.

- *Về việc xem xét cấp phép lưu hành các dược phẩm tương tự với dược phẩm đã cho lưu hành*: Bên cạnh việc quy định riêng rẽ về các tiêu chuẩn bảo hộ sáng chế nói chung (trong đó có sáng chế về dược phẩm) và tiêu chuẩn bảo hộ độc quyền dữ liệu đối với dược phẩm đăng ký lưu hành, TPP còn bổ sung thêm yêu cầu bảo hộ gắn 02 quá trình này với nhau.

Cụ thể, TPP yêu cầu Cơ quan cấp phép lưu hành dược phẩm của các nước TPP, trước khi cấp phép lưu hành cho một dược phẩm dựa trên các dữ liệu thử nghiệm đã được xuất trình trước đó cho Cơ quan này, thì phải:

+ Hoặc là có cơ chế để thông báo điều này cho chủ sở hữu bằng sáng chế (bao gồm cả chủ thể được chuyển giao hợp pháp bằng sáng chế hoặc chủ thể hợp pháp của giấy phép lưu hành) để họ biết mà tự bảo vệ quyền; dành thời gian và cơ hội hợp lý để chủ sở hữu bằng sáng chế thực hiện các hành động bảo vệ quyền; và nếu sản phẩm đang xin phép lưu hành bị nghi là có vi phạm độc quyền sáng chế thì phải dành cho chủ sở hữu cơ hội và thời gian hợp lý để yêu cầu bồi thường cũng như có cơ chế hành chính hoặc tố tụng để giải quyết các yêu cầu bồi thường này;

+ Hoặc là phải thiết lập hoặc duy trì một cơ chế ngoài Tòa án cho phép loại trừ việc lưu hành dược phẩm, nếu không được sự đồng ý của chủ sáng chế (cơ chế này có phối hợp giữa cơ quan bảo hộ sáng chế với cơ quan đăng ký lưu hành và thông tin liên quan từ các cơ quan này).

### **Lưu ý đối với doanh nghiệp**

Các quy định bổ sung của TPP về bảo hộ sáng chế và độc quyền dữ liệu dược phẩm được đánh giá là tăng cường ở mức rất cao quyền của các chủ sở hữu quyền trong lĩnh vực này ở cả khía cạnh phạm vi quyền, thời gian bảo hộ quyền và cách thức thực thi bảo vệ quyền.

Với các doanh nghiệp sở hữu độc quyền sáng chế với dược phẩm hoặc giữ quyền đăng ký lưu hành đầu tiên, cam kết TPP mang lại lợi thế rất lớn, kèm theo đó là các lợi ích vật chất gắn với phí bản quyền và giá sản phẩm.

Người sử dụng các sản phẩm dược, các doanh nghiệp sản xuất thuốc đại trà, hoặc đăng ký lưu hành dược phẩm sau (chiếm đa số ở Việt Nam)... được cho là sẽ gặp khó khăn nhiều hơn khi Việt Nam thực hiện các cam kết trong TPP về vấn đề này do giá thuốc cao và/hoặc lâu giảm do phải gánh thêm các chi phí liên quan tới đăng ký lưu hành.

## **10. TPP có quy định gì về tiêu chuẩn bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan?**

Liên quan tới việc bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan, có thể kể ra một số cam kết trong TPP đáng chú ý sau:

### **- Về phạm vi quyền của chủ sở hữu và các ngoại lệ:**

TPP bảo hộ quyền độc quyền của tác giả, người biểu diễn, người sản xuất trong việc cho phép hoặc cấm sao chép, truyền đạt tới công chúng, phân phối và phát sóng các tác phẩm của mình.

Một điểm được nhấn mạnh trong TPP là quyền của các chủ thể này đối với cùng một tác phẩm là ngang nhau, không ai được ưu tiên hơn ai. Như vậy, trường hợp một tác phẩm thuộc quyền của cả tác giả, người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm/ghi hình thì việc sử dụng tác phẩm này có thể phải được sự cho phép của tất cả các chủ thể này.

Tuy nhiên, TPP cũng đồng thời yêu cầu các nước Thành viên phải đảm bảo một sự cân đối nhất định giữa quyền của chủ sở hữu với các mục tiêu công cộng khác (các ngoại

lệ). Vì vậy, các ngoại lệ đối với các quyền tác giả và quyền liên quan có thể được áp dụng theo cách thức và điều kiện thích hợp (sử dụng một phần hoặc toàn bộ tác phẩm nhằm phục vụ cho các hoạt động như phân tích, bình luận, báo cáo, giảng dạy, nghiên cứu, tạo điều kiện để người khuyết tật tiếp cận tác phẩm...).

- ***Về thời hạn bảo hộ:***

Theo cam kết trong TPP, đối với trường hợp chủ sở hữu quyền là cá nhân, thời hạn bảo hộ là cả cuộc đời cá nhân đó cộng thêm 70 năm kể từ ngày chết (riêng Việt Nam chỉ phải thực hiện cam kết này sau 5 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực). Đối với trường hợp không phải cá nhân, thời hạn bảo hộ là 70 năm kể từ thời điểm công bố lần đầu tác phẩm; nếu tác phẩm không được công bố trong vòng 25 năm kể từ ngày được tạo ra thì thời hạn này là 70 năm kể từ ngày tác phẩm được tạo ra.

### **Lưu ý với doanh nghiệp**

Việc TPP gia hạn thời gian bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan thêm 20 năm so với pháp luật hiện hành đồng nghĩa với việc các chủ thể quyền được kéo dài thêm các lợi ích liên quan tới các tác phẩm của mình 20 năm nữa (đối với trường hợp chủ thể quyền không phải cá nhân, gia hạn thêm 20 năm tức là thời gian được bảo hộ tăng lên tới 40% so với trước đây). Đối với các tác giả và doanh nghiệp chủ sở hữu quyền, đây là cam kết mang đến lợi ích đáng kể.

Đối với các trường hợp sử dụng các tác phẩm, sản phẩm giải trí, kiến thức khoa học, công nghệ, giáo dục... được bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan, sẽ phải đợi thêm 20 năm để có thể tiếp cận miễn phí các sản phẩm này.

### **11. TPP có quy định gì đối với các hành vi làm cơ sở để vi phạm quyền tác giả và các quyền liên quan (hành vi xâm phạm TPM và RMI)?**

Liên quan tới quyền tác giả và các quyền liên quan, TPP có các cam kết nhằm bảo vệ các quyền này thông qua việc ngăn chặn các hành vi làm tiền đề/công cụ cho việc xâm phạm các quyền này (ví dụ hành vi phá mã, dỡ, vô hiệu hóa các công nghệ bảo vệ - technological protection measures - TPM; hành vi xâm phạm thông tin quản lý quyền - rights management information - RMI). Nói cách khác, không chỉ các quyền tác giả và quyền liên quan được bảo hộ mà các công nghệ được sử dụng để bảo vệ các sản phẩm này và các thông tin về quyền tác giả/quyền liên quan ghi sẵn trên sản phẩm cũng sẽ được bảo hộ ở mức độ cao trước các hành vi vi phạm.

Cụ thể, TPP yêu cầu các nước Thành viên:

- Phải có các biện pháp xử lý hình sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với các hành vi cố ý phá mã, hoặc tạo ra, nhập khẩu, phân phối, chào bán hoặc cho thuê các phương pháp, công cụ, phần mềm để phá mã các sản phẩm đã được chủ sở hữu quyền khóa mã để hạn chế sử dụng và bảo vệ quyền SHTT (TPM) nhằm mục đích thương mại hoặc thu lợi.

Các quy định về biện pháp hình sự và bồi thường thiệt hại trong TPP (trừ quy định về các chủ thể được hưởng ngoại lệ) cũng áp dụng đối với các hành vi dỡ bỏ hoặc làm thay đổi các thông tin về quyền SHTT - các RMI (ví dụ thông tin về tác giả, về bản quyền, về điều kiện sử dụng...).

- Trường hợp như nêu ở trên nhưng không phải nhằm mục đích thương mại hay thu lợi thì mặc dù không bắt buộc phải áp dụng biện pháp hình sự nhưng vẫn phải bồi thường thiệt hại.

- Ngoại lệ: TPP ghi nhận các trường hợp ngoại lệ không phải chịu các biện pháp xử lý hình sự (ví dụ các thư viện, bảo tàng, viện lưu trữ, cơ sở đào tạo, cơ sở truyền thông công cộng phi lợi nhuận), thậm chí các cơ sở này có thể không phải chịu cả các biện pháp bồi thường thiệt hại nếu họ thực hiện các hành vi này một cách ngay tình và không biết là chúng bị cấm.

### **Lưu ý với doanh nghiệp**

Quy định về biện pháp xử lý bắt buộc với các hành vi cố ý phá mã, hoặc tạo ra, nhập khẩu, phân phối, chào bán hoặc cho thuê các phương pháp, công cụ, phần mềm để phá mã các sản phẩm đã được chủ sở hữu quyền khóa mã để hạn chế sử dụng và bảo vệ quyền SHTT (TPM) hay hành vi dỡ bỏ hoặc làm thay đổi các thông tin về quyền SHTT là quy định đáng chú ý trong TPP so với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Cụ thể, việc xử lý sẽ không chỉ dừng lại ở việc phạt hành chính như hiện hành mà còn có cả bồi thường thiệt hại, thậm chí xử lý hình sự. Vì vậy, có thể nói với TPP, các hành vi vi phạm này sẽ bị xử lý nghiêm khắc hơn nhiều so với hiện tại.

## **12. TPP có yêu cầu gì về bảo hộ kiểu dáng công nghiệp?**

TPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo hộ đầy đủ và hiệu quả kiểu dáng công nghiệp, bao gồm cả các kiểu dáng được thể hiện ở một phần của sản phẩm hoặc một phần của một sản phẩm nằm trong tổng thể toàn bộ sản phẩm, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ quy định của WTO về vấn đề này.

Ngoài ra, TPP cũng khuyến khích các nỗ lực tăng cường bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và cải thiện chất lượng và hiệu quả của cơ chế đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp.

### **Lưu ý với doanh nghiệp**

Pháp luật Việt Nam hiện mới quy định chung về đối tượng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, theo đó “kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm”, mà không quy định rõ về việc bảo hộ riêng kiểu dáng của một bộ phận nhìn thấy được của sản phẩm.

Do đó, để thực hiện TPP, sắp tới các quy định của pháp luật nội địa về kiểu dáng công nghiệp sẽ phải được điều chỉnh để chi tiết hơn về vấn đề này. Điều này sẽ giúp tăng cường việc bảo vệ quyền các doanh nghiệp có sản phẩm đã đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp trước các hiện tượng nhái một phần, một bộ phận kiểu dáng của sản phẩm đã đăng ký, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng vốn khá phổ biến hiện nay.

### 13. Các yêu cầu của TPP về thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ?

Một trong những nội dung đáng lưu ý về SHTT trong TPP là vấn đề thực thi bảo hộ các quyền SHTT. Đây là vấn đề được cho là khá lơ lửng trong WTO và nhiều FTA trước đây và bị thắt chặt trong Hiệp định này.

Cụ thể, TPP đặt ra các yêu cầu mới, chi tiết về 05 nhóm vấn đề liên quan tới thực thi bảo hộ quyền SHTT sau:

#### *(i) Các cam kết về nguyên tắc chung liên quan tới thực thi quyền SHTT*

Nhóm này bao gồm các nguyên tắc chung liên quan tới việc thực thi như phải thiết lập hệ thống pháp luật về các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm SHTT hay phải đảm bảo triển khai các biện pháp thực thi một cách công bằng, thủ tục đơn giản, nhanh chóng, ít tốn kém, không tạo ra rào cản đối với thương mại và có cách thức để hạn chế lạm dụng.

Tuy nhiên, các nước TPP vẫn có quyền tự chủ trong việc xác định cách thức thực hiện các biện pháp thực thi và bảo hộ quyền SHTT này (theo hệ thống riêng hay dùng hệ thống tổ tụng chung).

#### *(ii) Các cam kết cụ thể liên quan thủ tục thực thi quyền SHTT*

Nhóm này bao gồm các cam kết liên quan tới một số vấn đề cụ thể trong thực thi bảo hộ quyền SHTT, ví dụ:

##### *- Yêu cầu chung về công khai, minh bạch*

TPP yêu cầu rằng các phán quyết/quyết định thực thi về SHTT có giá trị áp dụng chung phải bằng văn bản, nêu rõ các căn cứ thực tế và lập luận pháp lý, phải được công khai cho công chúng...

##### *- Các biện pháp thực thi SHTT tại biên giới*

Các biện pháp thực thi tại biên giới trong TPP ràng buộc trách nhiệm của Nhà nước và chủ thể quyền trong hành động bảo vệ nhãn hiệu thương mại, quyền tác giả và các quyền liên quan tại biên giới, bao gồm:

+ Phải cho phép các chủ thể quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tại biên giới (ví dụ cơ quan hải quan) dừng thông quan, thu giữ sản phẩm nghi ngờ vi phạm và phải có thủ tục với thời hạn hợp lý để cơ quan có thẩm quyền xem xét xác định hàng hóa bị nghi ngờ có thực sự vi phạm SHTT không;

+ Chủ thể yêu cầu đình chỉ thông quan hoặc thu giữ sản phẩm nghi ngờ vi phạm phải cung cấp bằng chứng chứng minh thích hợp và các thông tin mà chủ thể này phải biết để giúp cơ quan có thẩm quyền xác định/nhận diện được sản phẩm vi phạm, phải nộp một khoản tiền bảo đảm/bảo chứng đủ để bảo vệ bên bị ngăn chặn và cơ quan có thẩm quyền...;

+ Các cơ quan có thẩm quyền tại biên giới phải có thẩm quyền tự khởi xướng các biện pháp thực thi tại biên giới đối với hàng hóa nhập khẩu (không có lộ trình riêng cho Việt Nam), hàng hóa xuất khẩu (lộ trình thực hiện của Việt Nam là 3 năm), hàng hóa quá cảnh (lộ trình 2 năm) nghi ngờ có vi phạm; quyền ra kết luận vi phạm và xử lý tiêu hủy sản phẩm vi phạm kể cả đối với các lô hàng nhỏ (chỉ không bắt buộc đối với trường hợp hành lý phi thương mại của hành khách).

- ***Yêu cầu về biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục dân sự/hành chính:***

TPP quy định một số các nguyên tắc cụ thể liên quan tới thủ tục tố tụng hành chính hoặc tư pháp để bảo vệ quyền SHTT. Ví dụ:

+ Chủ sở hữu quyền phải được phép kiện ra Tòa để yêu cầu thi hành các quyền SHTT;  
+ Các Tòa án phải có quyền yêu cầu chủ thể bị cáo buộc vi phạm phải cung cấp thông tin/bằng chứng vi phạm mà họ đang kiểm soát cho chủ thể quyền hoặc Tòa án; quyền ban hành các lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn hàng hóa vi phạm SHTT đưa vào lưu thông thương mại và quyết định buộc bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu...;

+ Phải có những quy định cụ thể liên quan tới việc bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu quyền (cách thức xác định các mức bồi thường, các hình thức bồi thường có thể áp dụng...)

+ Phải tuân thủ một số quy tắc tố tụng dân sự/hành chính riêng đối với nhãn hiệu thương mại, quyền tác giả và các quyền liên quan, ví dụ: *quy tắc suy đoán về quyền* (người có tên trên sản phẩm được suy đoán là chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan; nhãn hiệu thương mại đã đăng ký được suy đoán là có giá trị pháp lý...); *quy tắc về tính toán mức thiệt hại* phải bồi thường (trong đó đáng chú ý là mức bồi thường phải bao gồm cả lợi nhuận mà bên vi phạm thu được từ việc vi phạm); *quy tắc bắt buộc tiêu hủy sản phẩm vi phạm* mà không có bồi thường nếu chủ sở hữu quyền có yêu cầu....

- ***Các biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục hình sự***

TPP đưa ra các yêu cầu cụ thể về các trường hợp vi phạm SHTT bắt buộc phải xử lý hình sự cùng với các điều kiện kèm theo. Đây là cam kết được coi là có tính cứng rắn nhất nhằm thực thi bảo hộ các quyền SHTT trong các FTA từ trước tới nay.

**Lưu ý với doanh nghiệp**

Mặc dù các tiêu chuẩn bảo hộ SHTT trong pháp luật Việt Nam thời gian qua cơ bản đã phù hợp với Hiệp định TRIPS của WTO, và do đó khá tương đồng với mặt bằng chung về bảo hộ SHTT trên thế giới, vấn đề thực thi bảo hộ các quyền này trên thực tế còn nhiều bất cập. Nguyên nhân có thể là do các cơ chế thực thi chưa đủ mạnh để ngăn chặn, phát hiện hành vi vi phạm, các biện pháp bồi thường chưa đủ lớn để khuyến khích chủ sở hữu quyền tự bảo vệ quyền, hoặc các biện

pháp xử lý vi phạm chưa đủ nghiêm khắc...

Thực tế này cũng khiến cho hiện tượng vi phạm SHTT đôi khi phổ biến, và các chủ thể vi phạm SHTT ít quan tâm tới hệ quả của các hành vi vi phạm.

Khi TPP có hiệu lực, hệ thống pháp luật về thực thi SHTT của Việt Nam sẽ buộc phải thay đổi theo các cam kết trong TPP, với nhiều yêu cầu chi tiết về cơ chế, cách thức, các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong quá trình thực thi... Do đó, doanh nghiệp và người dân sử dụng các sản phẩm SHTT cần thay đổi hành vi tương ứng, để tránh việc vi phạm và phải chịu các biện pháp xử phạt nghiêm khắc về SHTT.

#### 14. Quy định của TPP về việc xử lý hình sự đối với vi phạm quyền SHTT?

TPP có yêu cầu xử lý hình sự các vi phạm quyền SHTT ở mức cao và nghiêm khắc hơn nhiều không chỉ so với pháp luật Việt Nam (hiện đang thực hiện theo mức như cam kết trong WTO và Hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ) mà còn so với nhiều điều ước quốc tế hiện hành về sở hữu trí tuệ.

TPP đặt ra yêu cầu bắt buộc phải xử lý hình sự đối với một số các dạng vi phạm quyền SHTT, chủ yếu tập trung vào các vi phạm đối với *nhãn hiệu thương mại, bí mật thương mại, quyền tác giả và quyền liên quan*, cụ thể:

- **Phạm vi các hành vi bị xử lý hình sự:**

Các tội hình sự không chỉ áp dụng trực tiếp cho chủ thể thực hiện *hành vi vi phạm* (ví dụ làm hàng giả hàng nhái, công bố tác phẩm khi chưa được phép của tác giả...) mà còn áp dụng cả với *các hành vi liên quan/thúc đẩy việc vi phạm* (ví dụ hành vi nhập khẩu, xuất khẩu, phân phối, quảng cáo, bán... các sản phẩm vi phạm SHTT).

- **Điều kiện xử lý hình sự (yếu tố cấu thành tội phạm):**

Khác với hiện hành, không chỉ các hành vi vi phạm SHTT nghiêm trọng, cố ý, ở quy mô thương mại hoặc nhằm mục đích lợi nhuận mới bị xử lý hình sự, trong một số trường hợp TPP đòi hỏi các nước phải xử lý hình sự cả các vi phạm *không vì lợi ích thương mại/tài chính* nhưng *gây thiệt hại nghiêm trọng* đến lợi ích của chủ sở hữu quyền.

- **Nguyên tắc xử lý:**

TPP đặt ra một số yêu cầu riêng theo hướng cho phép xử lý và áp tội hình sự nhanh và triệt để với các hành vi vi phạm, trong đó có các nguyên tắc:

- + *Xử lý mặc nhiên*: Truy cứu trách nhiệm hình sự không cần yêu cầu của người bị hại;
- + *Xử lý tang vật*: TPP có yêu cầu rất chi tiết về việc xử lý hàng hóa xâm phạm quyền SHTT, nguyên liệu, phương tiện đã dùng chủ yếu để sản xuất hàng hóa xâm phạm

quyền SHTT, tài sản có được do xâm phạm quyền SHTT (trong đó đáng kể là các biện pháp tịch thu, tiêu hủy);

+ *Cung cấp bằng chứng trong quá trình xử lý*: Cơ quan có thẩm quyền phải được trao quyền cung cấp hoặc được phép tiếp cận hàng hóa xâm phạm, nguyên liệu, phương tiện đã dùng chủ yếu để sản xuất hàng hóa xâm phạm và các chứng cứ khác để chủ sở hữu có thể kiện dân sự.

- ***Biện pháp xử lý hình sự***:

TPP yêu cầu biện pháp xử lý hình sự phải bao gồm cả *phạt tù* và *phạt tiền* ở mức đủ lớn để ngăn chặn hành vi vi phạm trong tương lai và biện pháp tiêu hủy các sản phẩm vi phạm. TPP cũng có các quy định chi tiết về cách thức cân nhắc về mức độ xử lý đối với các hành vi này.

Đối với một vài nghĩa vụ trong số này, Việt Nam chỉ phải thực hiện đầy đủ sau 3 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực.

**Một số nhóm hành vi vi phạm quyền SHTT có thể bị xử lý hình sự theo TPP**

**1. Hành vi xâm phạm bí mật thương mại**

TPP buộc các nước phải xử lý hình sự ít nhất một trong ba hành vi:

- Cố ý tiếp cận trái phép bí mật thương mại trên hệ thống máy tính;
- Cố ý chiếm đoạt trái phép bí mật thương mại;
- Cố ý bộc lộ trái phép bí mật thương mại

Điều kiện để xử lý hình sự các hành vi này chỉ cần là một trong các trường hợp sau:

- Hành vi nhằm tạo ra lợi thế thương mại hoặc thu được lợi ích tài chính;
- Hành vi liên quan đến sản phẩm dịch vụ thương mại quốc gia hoặc quốc tế (quy mô);
- Hành vi cố ý nhằm gây thiệt hại cho chủ sở hữu;
- Hành vi liên quan đến chủ thể kinh tế của nước ngoài;
- Hành vi gây tổn hại đến lợi ích kinh tế, quan hệ quốc tế hoặc quốc phòng hoặc an ninh quốc gia của Nhà nước

**2. Hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan**

TPP buộc các nước phải xử lý hình sự với các hành vi sau đây:

- Hành vi cố ý nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng giả mạo nhãn hiệu và hàng sao lậu quyền tác giả và quyền liên quan ở quy mô thương mại (nhằm mục đích thu lợi nhuận, đạt được lợi thế thương mại hoặc gây thiệt hại đáng kể cho chủ thể quyền trên thị trường);
- Hành vi cố ý nhập khẩu hoặc xuất khẩu hàng hoá giả mạo nhãn hiệu hoặc

hàng sao lậu quyền tác giả ở quy mô thương mại;

- Hành vi cố ý nhập khẩu và sử dụng trong thị trường nội địa trong hoạt động thương mại và ở quy mô thương mại nhãn mác hoặc bao gói sản phẩm gắn nhãn hiệu không được phép, trùng hoặc gây nhầm lẫn để sử dụng (trong thương mại) cho hàng hóa/dịch vụ trùng với hàng hóa/dịch vụ đã đăng ký nhãn hiệu;
- Hành vi sao chép trái phép (quay lại) phim trong rạp nếu gây thiệt hại đáng kể trên thị trường cho chủ thể quyền.
- Hành vi giúp sức hoặc xúi giục các hành vi nói trên.

**3. Hành vi xâm phạm các công cụ bảo vệ quyền (TPM) hoặc thông tin quản lý quyền (RMI)**

TPP buộc các nước phải xử lý hình sự với một số hành vi xâm phạm TPM hoặc RMI theo các điều kiện nhất định (Xem thêm Câu 63).

**4. Hành vi xâm phạm tín hiệu cáp, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa**

- Hành vi sản xuất, lắp ráp, biến đổi, nhập khẩu, xuất khẩu, bán, cho thuê, phân phối các thiết bị/hệ thống hỗ trợ việc giải mã trái phép tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa;
- Hành vi cố ý tiếp nhận, tiếp tục phân phối tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa nếu biết các tín hiệu này đã bị giải mã trái phép.

**Lưu ý với doanh nghiệp**

Các cam kết trong TPP về xử lý hình sự đối với các hành vi vi phạm SHTT là rất khắt khe, có thể ảnh hưởng trực tiếp tới nhiều đối tượng. Và mặc dù trong một số các trường hợp Việt Nam chưa phải thực hiện ngay các nghĩa vụ này mà có lộ trình khoảng 3 năm, doanh nghiệp và người dân, các đối tượng tham gia vào quá trình sản xuất, xuất nhập khẩu và sử dụng các sản phẩm SHTT cần được cảnh báo đầy đủ về các nguy cơ xử lý hình sự để tránh việc vi phạm (đặc biệt với các trường hợp vi phạm trước nay vốn chỉ bị xử phạt hành chính, sau TPP có thể bị xử lý hình sự).

Đáng chú ý là nếu như trước đây chỉ cá nhân mới bị xử phạt hình sự thì theo quy định mới của Bộ luật Hình sự 2015 thì pháp nhân thương mại (các doanh nghiệp) cũng có thể bị xử phạt hình sự nếu vi phạm một số tội hình sự nhất định, trong đó có tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia, thuốc phòng/chữa bệnh, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật... Doanh nghiệp rất cần chú ý tới các thay đổi pháp luật nội địa hiện nay và các cam kết TPP về xử lý hình sự đối với vi phạm SHTT trong tương lai để có biện pháp tuân thủ phù hợp.

Đối với các cá nhân, cần chú ý là theo cam kết TPP, biện pháp xử lý hình sự có thể sẽ áp dụng cả với những hành vi vốn trước đây được xem là nhỏ, ở diện hẹp (ví dụ không ở quy mô thương mại, không nhằm mục đích lợi nhuận).

## 15. Các biện pháp thực thi đối với một số quyền SHTT trong lĩnh vực phần mềm, chương trình vệ tinh, môi trường mạng?

Liên quan tới việc thực thi bảo hộ quyền SHTT đối với một số loại sản phẩm phần mềm, chương trình vệ tinh hoặc các vi phạm trên môi trường mạng, TPP có một số quy định riêng. Cụ thể:

- Buộc *xử lý hình sự* đối với một số hình thức vi phạm về bí mật thương mại (thông qua hệ thống máy tính), các chương trình vệ tinh đã được mã hóa, tín hiệu cáp quang. Việt Nam sẽ có lộ trình 2-3 năm để thực hiện các nghĩa vụ này.
- *Về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet*: TPP có một số quy định cụ thể về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet liên quan tới các tác phẩm vi phạm SHTT trên Internet, trong đó đặc biệt nhấn mạnh nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ Internet phải nhanh chóng dỡ bỏ hoặc dừng cho truy cập vào các dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống của mình ngay khi biết là dữ liệu đó vi phạm SHTT rõ ràng (ví dụ khi nhận được thông báo của chủ sở hữu quyền).

Theo yêu cầu trong TPP, nhà cung cấp dịch vụ Internet sẽ bị phạt tiền nếu không thực hiện nghĩa vụ này, chủ sở hữu quyền thông báo sai lệch/gian lận cho nhà cung cấp dịch vụ Internet cũng sẽ bị phạt tiền. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ chỉ phải thực hiện các nghĩa vụ này sau 3 năm kể từ ngày TPP có hiệu lực.

- *Về chương trình phần mềm mà Chính phủ sử dụng*: TPP có một điều khoản riêng về việc sử dụng các chương trình phần mềm máy tính của Chính phủ, theo đó các nước phải ban hành và thực thi các quy định pháp luật bắt buộc các cơ quan Nhà nước ở trung ương chỉ sử dụng phần mềm máy tính không vi phạm bản quyền và phải sử dụng theo cách thức được phép.

### **Lưu ý với doanh nghiệp**

Trong số các quy định mới của TPP về thực thi bảo hộ quyền SHTT trên môi trường mạng, đáng chú ý có quy định về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ Internet, những người không tạo ra, kiểm soát, phát tán...các sản phẩm vi phạm SHTT nhưng lại cung cấp môi trường để lưu chuyển, lưu trữ, phát tán các sản phẩm vi phạm.

Quy định của TPP gia tăng trách nhiệm, nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ Internet so với hiện tại, thậm chí là nghĩa vụ hành động ngay khi được chủ sở hữu quyền thông báo (chứ không phải đợi tới quá trình xác minh tính xác thực hay thông báo cho người liên quan và chờ họ tự rút...).

Do đó, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet của Việt Nam cần đặc biệt

chú ý tới quy định này.